TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1316/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Đang.
2. Bà Nguyễn Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 696/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 38 đường số 11 ấp 5, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 19 Ngô Sĩ Liên, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn ông Nguyễn Trung H trình bày:

Ông H và bà Huỳnh Thị B tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 21/9/1985 tại Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách

nuôi dạy, chăm sóc con cái, tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cải vã với nhau khiến cho đời sống hôn nhân luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Dù Ông H đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông H yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị B.

- Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Trung H xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung tên là ÔNguyễn Bảo T, sinh ngày 16/7/1987 và Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh ngày 14/12/1989. Hiện hai con chung đã thành niên, ngoài ra vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Trung H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn bà Huỳnh Thị B đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của Ông H nên Tòa án không thể tiến hành thu thập được lời khai của bà B và không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Nguyễn Trung H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn bà Huỳnh Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử theo quy định pháp luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trung H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt Ông H.

Bị đơn bà Huỳnh Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà B vắng mặt không có lý do. Do vậy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà B.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Trung H thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn bà Huỳnh Thị B hiện cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, ông Nguyễn Trung H và bà Huỳnh Thị B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 804 ngày 21/9/1985) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Trung H cho rằng: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy, chăm sóc con cái, tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cải vã với nhau khiến cho đời sống hôn nhân luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Dù Ông H đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông H yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị B.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Huỳnh Thị B không đến Tòa để trình bày ý kiến tự khai, tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng bà B vẫn vắng mặt mà không có lý do và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của Ông H. Điều này thể hiện bà B đã từ bỏ quyền lợi của mình, không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Trung H xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung tên là ÔNguyễn Bảo T, sinh ngày 16/7/1987 và Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh

ngày 14/12/1989. Hiện hai con chung đã thành niên, ngoài ra vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Trung H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

-Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung H về việc xin ly hôn với bà Huỳnh Thị B.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Trung H được ly hôn với bà Huỳnh Thị B (theo giấy chứng nhận kết hôn số 804 của Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/1985).

- Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Trung H xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung tên là ÔNguyễn Bảo T, sinh ngày 16/7/1987 và Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh ngày 14/12/1989. Hiện hai con chung đã thành niên, ngoài ra vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Trung H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Trung H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0019853 ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Tiên